

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1425/QĐ-CTT ngày 14 tháng 07 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban tỉnh Trà Vinh và theo Quyết định số 86/QĐ-CTT ngày 20 tháng 01 năm 2005 về việc điều chỉnh Quyết định 1425/QĐ-CTT. Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy phép chứng nhận đăng ký số 5803000019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 22 tháng 02 năm 2005; Giấy chứng nhận đăng ký lần 01, ngày 27 tháng 10 năm 2006 về thay đổi cơ cấu cổ đông góp vốn, Giấy chứng nhận đăng ký lần 02, ngày 26 tháng 10 năm 2007 về thay đổi vốn điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký lần 03, ngày 25 tháng 03 năm 2009 về thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ : 48.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở chính hoạt động

▪ Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (Công ty mẹ)

Địa chỉ : Số 36 đường Bạch Đằng, phường 04, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (074) 3852 321 - 3852 465 - 3853 390

Fax : +84 (074) 3852 078

▪ Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn (Công ty con)

Địa chỉ : Khóm 2, thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : +84 (074) 3832 053

Fax : +84 (074) 3832 018

3. Ngành nghề hoạt động

- Thu mua, nuôi trồng và chế biến các mặt hàng thủy sản, nông súc sản đông lạnh;
- Kinh doanh trong và ngoài nước các mặt hàng thủy hải sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị và thức ăn tôm cá phục vụ nuôi trồng, chế biến hàng xuất khẩu.

4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Bang	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Lễ	Phó Chủ tịch
Ông Diệp Công Phước	Ủy viên
Ông Lê Thanh Bình	Ủy viên
Ông Đặng Văn Quận	Ủy viên

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Hồ Thị Á	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Ngân	Thành viên
Bà Trần Thị Bích Phượng	Thành viên

4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Bang	Giám đốc
Ông Diệp Công Phước	Phó Giám đốc
Ông Trần Thanh Lễ	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Bình	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 30.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (Hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo hợp nhất này, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị hoặc Ban Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Trà Vinh, ngày 27 tháng 05 năm 2010
TM Hội đồng quản trị





Nguyễn Văn Bang
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2251/10/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm hợp nhất năm 2009 bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được lập ngày 27 tháng 05 năm 2010 (từ trang 08 đến trang 30) của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc về Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Như đã thuyết minh mục số 4.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính, phương pháp hạch toán hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn (công ty con) được thực hiện theo phương pháp kê khai định kỳ, khác với phương pháp hạch toán hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (công ty mẹ) là phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ở mục Thuyết minh số 6.8 là chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính của Công ty. Chúng tôi chỉ căn cứ vào số tạm tính của Công ty; và theo Ban Giám đốc, Công ty sẽ điều chỉnh khi có quyết toán chính thức của Cơ quan Thuế theo quy định hiện hành.

Theo Công văn số 38/CV.TSLT ngày 31 tháng 03 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn (công ty con) về việc điều chỉnh lại Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009, Công ty xác nhận lại số lao động bình quân năm 2009 là không quá 300 người theo bảng danh sách lao động ngày 31 tháng 03 năm 2009. Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty được giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp 30% do có số lao động bình quân năm 2009 không quá 300 người, nên chúng tôi phát hành lại Báo cáo kiểm toán đã phát hành số 2081/10/BCKT/AUD-VVALUES ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đông lạnh Thủy sản Long Toàn.

Điều này sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu của Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 đã phát hành của công ty mẹ (Báo cáo kiểm toán cho báo cáo tài chính hợp nhất số 2083/10/BCKT/AUD - VVALUES ngày 22 tháng 03 năm 2010) như sau :

Chỉ tiêu	Báo cáo kiểm toán đã phát hành	Báo cáo kiểm toán phát hành lại	Chênh lệch
a) Ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	833.135.201	648.044.481	(185.090.720)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.552.721.581	5.737.812.301	185.090.720
b) Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	616.969.065	431.878.345	(185.090.720)
- Lợi nhuận sau thuế	19.828.036.757	19.978.088.121	150.051.364
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.310	4.343	33

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2010.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Trần Khánh Lâm - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0538/KTV

Ths. Nguyễn Thanh Sang - Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0851/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		804.662.970.612	693.793.620.465
03	2. Các khoản giảm trừ		879.992.077	826.993.904
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	803.782.978.535	692.966.626.561
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	755.345.681.507	628.811.392.761
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48.437.297.028	64.155.233.800
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	21.444.365.493	9.555.144.017
22	7. Chi phí tài chính	6.4	11.581.785.142	24.935.094.488
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9.293.120.474	22.238.488.798
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	21.449.003.231	25.411.810.391
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	13.573.992.833	9.495.881.775
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.276.881.315	13.867.591.163
31	11. Thu nhập khác	6.7	389.310.223	231.534.971
32	12. Chi phí khác	6.8	25.547.810	124.109.135
40	13. Lợi nhuận khác		363.762.413	107.425.836
50	14. Lợi nhuận/ lỗ của công ty liên kết, liên doanh	6.9	(439.526.006)	-
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.201.117.722	13.975.016.999
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.10	2.136.809.570	872.267.382
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.064.308.152	13.102.749.617
	- Lợi ích của cổ đông thiểu số		1.086.220.031	-
	- Lợi nhuận sau thuế thu nhập của cổ đông của công ty mẹ		19.978.088.121	13.102.749.617
80	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.11	4.343	3.276

Người lập biểu

LÊ THỊ THANH NGÂN

Kế toán trưởng

LÊ THANH BÌNH

Trà Vinh, ngày 27 tháng 05 năm 2010



NGUYỄN VĂN BANG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		858.732.835.852	728.699.259.043
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(712.683.410.574)	(611.435.742.212)
03	3. Tiền trả cho người lao động		(34.344.866.340)	(31.578.282.354)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(9.354.072.787)	(23.467.863.755)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(675.343.983)	(978.267.098)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.311.441.643	39.034.993.257
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(30.516.910.183)	(81.544.842.895)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.469.673.628	18.729.253.986
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(13.511.279.604)	(24.981.359.233)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(7.810.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.683.561.607	1.350.514.247
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.827.717.997)	(31.440.844.986)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.254.540.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		572.101.203.172	746.901.199.394
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(608.344.855.123)	(727.836.393.230)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(5.796.516.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính		(34.989.111.951)	13.268.289.964
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		39.652.843.680	556.698.964
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.965.388.470	9.194.760.886
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(960.657.944)	213.928.620
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)		48.657.574.206	9.965.388.470

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trà Vinh, ngày 27 tháng 05 năm 2010

Giám đốc



LÊ THỊ THANH NGÂN

LÊ THANH BÌNH

NGUYỄN VĂN BANG